TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 24 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đoàn;

2. Ông Nguyễn Thanh An;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Xin vắng mặt);

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hải L trình bày: Ông và bà Trần Thị Mỹ L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 07/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Từ năm 2017 cho đến nay, bà L1 tự ý bỏ đi nơi khác sinh sống, thỉnh thoảng có về nhà thăm con. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L1.

Về con chung: Ông và bà L1 có 02 người con chung, tên Nguyễn Trần K, sinh ngày 08/11/2016 và Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2014. Từ trước đến nay, 02 con chung sống với ông, do ông trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Hiện ông đang làm thợ hàn sắt, thu nhập trung bình mỗi tháng là 15.000.000 đồng, ông thường xuyên có mặt tại nhà, có đủ điều kiện chăm sóc, gần gũi con và bảo đảm đủ kinh tế nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về các vấn đề này.

Ông Nguyễn Hải L có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Trần Thị Mỹ L1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L1 có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải L và bà Trần Thị Mỹ L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2017, ông L và bà L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó bà L1 đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Nay, ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà L1. Quá trình giải quyết vụ án, bà L1 vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông L. Qua đó, xác định bà L1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa ông L và bà L1 không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn sống chung với nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Cho nên, hiện tại hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hải L đối với bà Trần Thị Mỹ L1.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà L1 có 02 người con chung, tên Nguyễn Trần K, sinh ngày 08/11/2016 và Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2014. Khi ly hôn, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại, hai con đang sống với ông, được ông chăm sóc, nuôi dạy tốt. Đồng thời, hai con

cũng có văn bản thể hiện ý kiến mong muốn được sống với ông L. Bên cạnh đó, ông L hiện có công việc, thu nhập ổn định, bảo đảm đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, bà L1 không có ý kiến phản đối về yêu cầu trực tiếp nuôi con của ông L. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con của ông L là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận, giao hai con chung cho ông Nguyễn Hải L trực tiếp nuôi. Ông L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác định ông và bà L1 không có tài sản chung, nợ chung; bà L1 vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét về các vấn đề này.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hải L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Hải L đối với bà Trần Thị Mỹ L1.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hải L được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ L1.

- Về con chung: Giao ông Nguyễn Hải L được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Trần K, sinh ngày 08/11/2016 và Nguyễn Trần Gia H1, sinh ngày 16/12/2014.

Sau khi ly hôn, ông L, bà L1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Bà L1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông L. Bà L1 có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, bà L1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L1. Ông L không được cản trở bà L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí ông Nguyễn Hải L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai

thu số 0013511 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương